

QUAN NIỆM CỦA JOHN DEWEY VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC VÀ NHỮNG ĐIỂM GỢI MỞ ĐỐI VỚI VIỆC GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

JOHN DEWEY'S CONCEPTION OF EDUCATIONAL CONTENT AND SUGGESTIVE POINTS TO THE CURRENT TEACHING OF MARX – LENIN PHILOSOPHY IN VIETNAM

Phan Thành Nhân

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; nhamphan84@gmail.com

Tóm tắt - John Dewey (1859 - 1952) là một triết gia, nhà tâm lý học và cải cách giáo dục xuất sắc của nước Mỹ với những ý tưởng ghi đậm dấu ấn trong tiến trình cải cách giáo dục và xã hội. Triết học giáo dục của John Dewey đã được hiện thực hóa không chỉ ở nước Mỹ mà còn ở nhiều quốc gia châu Âu cũng như châu Á. Trong bài viết này, tác giả tập nghiên cứu những nội dung sau: Thứ nhất, phân tích sự phê phán của John Dewey đối với nội dung giáo dục trong nền giáo dục truyền thống; Thứ hai, những yêu cầu được John Dewey đưa ra đối với nội dung giáo dục trong nền giáo dục tiến bộ, dân chủ và hiện đại; Thứ ba, những gợi mở từ quan điểm của Dewey về nội dung giáo dục đối với việc giảng dạy triết học Mác – Lênin ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa - John Dewey; nội dung giáo dục; Việt Nam.

Abstract - John Dewey (1859 - 1952) was an outstanding philosopher, psychologist and educational reformer of the United States with ideas that were imprinted in the process of educational and social reform. John Dewey's educational philosophy has been realized not only in the United States but also in many European and Asian countries. In this article, the author examines the following points: First, analyzing the criticism of John Dewey for educational content in traditional education; Second, requests were made by John Dewey for educational content in progressive, democratic and modern education; Third, suggestions from Dewey's perspective on educational content for teaching Marx – Lenin philosophy in Vietnam today.

Key words - John Dewey; educational content; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

John Dewey (1859 - 1952) là một trong những nhà triết học xuất sắc và nổi bật nhất của nước Mỹ đầu thế kỷ XX. Xét về phương diện giáo dục, ảnh hưởng của John Dewey không chỉ trong phạm vi nước Mỹ mà còn ảnh hưởng lớn đến triết lý và thực tiễn giáo dục ở châu Âu cũng như nhiều nước ở châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc,... Tuy ngày nay sự ảnh hưởng của John Dewey không còn mạnh mẽ như nửa đầu thế kỷ XX, nhưng không thể phủ nhận ông là một nhà giáo dục vĩ đại của thế giới. Ở Việt Nam, gần đây, sách của John Dewey đã được dịch và giới thiệu khá bài bản như: *Dân chủ và giáo dục*; *John Dewey về giáo dục*; *Kinh nghiệm và giáo dục* (Phạm Anh Tuấn dịch); *Cách ta nghĩ* (Vũ Đức Anh dịch); *Những nguyên tắc đạo đức trong giáo dục* (Cao Tuấn dịch). Sự xuất hiện đầy đủ hơn những trước tác của Dewey ở Việt Nam hiện nay đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của John Dewey. Triết học giáo dục của John Dewey là một hệ thống những quan điểm về giáo dục như: Quan điểm về mục tiêu và bản chất của giáo dục; quan điểm về nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục; Quan điểm về dân chủ trong giáo dục... Các quan điểm của John Dewey về giáo dục đều ít nhiều thể hiện ý tưởng của ông về một nền giáo dục tiến bộ, chứa đựng những giá trị phổ quát mang tính gợi mở cho các quốc gia đang tìm kiếm con đường đổi mới và canh tân giáo dục. Vì vậy, việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng triết học giáo dục của John Dewey vào thực tiễn giáo dục Việt Nam là thực sự cần thiết và có nhiều ý nghĩa. Nhưng trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu quan điểm của John Dewey về nội dung giáo dục, từ đó đưa ra những gợi ý cho việc đổi mới giảng dạy triết học Mác – Lênin ở Việt Nam hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. John Dewey phê phán nội dung giáo dục trong các nhà trường truyền thống

John Dewey cho rằng một trong những thành phần chính của quá trình giáo dục là nội dung giáo dục. Theo lý luận giáo dục truyền thống, nội dung giảng dạy bao gồm những “chủ đề” hoặc những môn học có xuất xứ từ quá khứ và chúng bao gồm rất nhiều những dữ kiện, khái niệm, mệnh đề và lý thuyết được tổ chức một cách hợp lôgic, thường được sắp xếp theo trình tự phức tạp dần. Trong nền giáo dục truyền thống, mỗi môn học được coi là riêng biệt, không thấy được mối liên hệ giữa các môn học. Nền giáo dục truyền thống tìm cách truyền dạy nội dung các môn học dưới hình thức nguyên vẹn bằng những phương pháp kỷ luật mạnh mẽ. Theo Dewey, nội dung là một khái niệm “động”, được mô tả đúng nhất ở thì quá khứ như là “những điều mà người học thực sự dùng đến khi hành động trong một tình huống có mục đích”. Tri thức được tổ chức sẵn, dù quan trọng thế nào đi nữa, cũng phải phục vụ mục đích của dạy. Không có gì là bất khả xâm phạm ở những môn học truyền thống [1, tr. 45-46].

Nhà giáo dục truyền thống không cân nhắc tới những nhu cầu và năng lực của từng người học. Tính đồng phục máy móc của các môn học và phương pháp đã tạo ra một thái độ thụ động giống hệt nhau. Vì vậy, “biết bao học sinh đã trở nên chai lì trước những ý tưởng, và biết bao học sinh đã đánh mất động lực học tập bởi cái cách chúng đã trải nghiệm kiến thức?... Biết bao học sinh đã phát hiện ra rằng, điều chúng đã học là quá xa lạ với những tình huống của cuộc sống bên ngoài nhà trường, đến nỗi điều học được chẳng đem lại cho chúng khả năng kiểm soát cuộc sống đó” [3, tr. 47].

Theo John Dewey, chương trình học truyền thống được tổ chức một cách cứng nhắc, kỷ luật theo lối nhà binh và bỏ qua những năng lực, hứng thú và cá tính của học sinh. Nội dung giáo dục truyền thống bao gồm rất nhiều kiến thức và kỹ năng đã được phát triển trong quá khứ; vì thế, nhiệm vụ chủ yếu của nhà trường là truyền dạy chúng cho thế hệ sau. Những “điều đem dạy cho học sinh lại coi là có bản chất bất biến. Người ta dạy nó như một sản phẩm hoàn chỉnh, mà coi nhẹ hoặc những cách thức trong đó nó được tạo ra lần đầu tiên hoặc những thay đổi chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai” [3, tr. 36]. John Dewey đã phê phán quan điểm truyền thống coi nội dung giáo dục là những tri thức luôn luôn đúng và bất khả xâm phạm. Theo ông, nội dung giáo dục phải thường trực thay đổi trước những biến đổi của đời sống xã hội và đời sống kinh nghiệm của mỗi cá nhân. Nội dung giáo dục phải thực sự phù hợp với bản tính cá nhân của người học, đáp ứng nhu cầu đa dạng của mỗi cá nhân. Trong tiểu luận *Nhu cầu về một triết học giáo dục*, John Dewey đã cảnh báo về việc không thích học sẽ xảy ra nếu chúng ta cung cấp những nội dung, kỹ năng mang tính áp đặt và không tôn trọng cá tính của người học. John Dewey viết: “Sự không thích học đương nhiên xảy ra khi người ta không tính đến những khuynh hướng mang tính cấp bách ở bên trong bản tính hiện hữu của một cá nhân. Khi ấy dù các loại phương cách từ bên ngoài buộc phải được viện đến đạt được sự hấp thu và ghi nhớ những nội dung và kỹ năng được áp đặt. Có thể so sánh việc phương pháp dạy học này dẫn đến sự học vẹt và học để đi thi với việc ghi âm thanh lên một chiếc đĩa hát tự động để chiếc máy có thể phát lại những gì đã được ghi khi ấn đúng nút” [1, tr. 58].

Triết học giáo dục của John Dewey được hình thành trên cơ sở phê phán quan điểm giáo dục truyền thống, nhưng ông cũng đủ tinh táo để nhận ra rằng “phủ nhận hoàn toàn cái cũ sẽ không bao giờ giải quyết được các vấn đề” [3, tr. 44]. Vì vậy, ông không đồng tình với cách phản ứng lại kiểu nhà trường truyền thống mang tính thái cực - khuyến khích chương trình học lộn xộn, chủ nghĩa cá nhân thái quá, và mang tính ngẫu hứng khiến ta lầm tưởng rằng đó là một dấu hiệu của tự do. Tuy thừa nhận nền giáo dục truyền thống đã sử dụng những sự kiện và quan niệm gắn bó với quá khứ để làm nội dung của học tập và vì thế nền giáo dục truyền thống không giúp ích nhiều cho việc giải quyết những vấn đề của hiện tại và tương lai. Nhưng, theo Dewey, ngay lập tức chúng ta lại gặp phải vấn đề của sự phát hiện ra mối liên hệ thực sự tồn tại ở bên trong kinh nghiệm giữa thành tựu của quá khứ và những vấn đề của hiện tại. Chúng ta gặp phải vấn đề của việc tìm hiểu cách nào để hiểu biết về quá khứ biến thành một công cụ hữu hiệu để xử lý tương lai một cách hiệu quả [3, tr. 42].

2.2. Những yêu cầu đối với nội dung giáo dục trong nền giáo dục tiến bộ

Thứ nhất, nội dung giáo dục phải phong phú, đa dạng.

Theo Dewey, trong nền giáo dục tiến bộ, chúng ta phải cung cấp một nội dung phong phú hơn, đa dạng hơn và linh hoạt hơn rất nhiều so với những gì mà nhà trường truyền thống đã cung cấp, và thực ra cũng đồng thời mang tính xác thực hơn xét trên phương diện trải nghiệm của người học [1, tr. 62]. Dewey cho rằng, việc cung cấp nội dung

giáo dục càng phong phú, đa dạng và nhiều thông tin càng tốt miễn là học sinh có nhu cầu về thông tin đó và chúng có thể vận dụng nó vào cuộc sống của bản thân. Trong tác phẩm *Dân chủ và giáo dục*, John Dewey viết: “Làm cho học sinh ngập trong đồng nội dung này thì dễ hơn nhiều so với việc đưa nội dung vào bên trong kinh nghiệm trực tiếp của học sinh” [2, tr. 224]. Vì vậy, chương trình học của nhà trường phải tính đến việc làm cho các môn học phù hợp với các nhu cầu của đời sống cộng đồng hiện hữu, với mục đích cải thiện đời sống để tương lai phải tốt đẹp hơn hiện tại [2, tr. 229]. John Dewey cho rằng, “một chương trình giảng dạy duy nhất dành cho tất cả các trường học tiên bộ là điều không thể bàn đến; bởi điều này sẽ có ý nghĩa là sự từ bỏ nguyên lý căn bản về mối liên hệ giữa giáo dục với cuộc sống thực” [3, tr. 133].

John Dewey cho rằng, mỗi môn học khác nhau thể hiện những khía cạnh khác nhau của kinh nghiệm cộng đồng vốn mang tính độc đáo và không thể bỏ qua. Vì vậy, chúng ta không thể đánh giá giá trị của từng môn học cụ thể như lịch sử, địa lý, khoa học hay thơ ca một cách phiến diện và định kiến, coi trọng môn học này hơn môn học kia. Trong tác phẩm *Dân chủ và giáo dục*, John Dewey nhắc đến việc dạy và học các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, nhưng không xếp ngôi thứ các môn học, mà ông nhấn mạnh dạy môn gì cũng phải đánh thức tư duy người học, hình thành và phát triển kinh nghiệm, trải nghiệm ở học sinh trên cơ sở là lý trí, trí tuệ gắn liền với giá trị cuộc sống. Dewey viết: “Chùng nào bất kỳ môn học nào đó đều mang một chức năng độc nhất và không thể thay thế trong kinh nghiệm, chùng đó nó nêu bật một sự làm phong phú cho đời sống riêng của nó, khi ấy giá trị của nó là có tính cố hữu hoặc không thể đem ra so sánh. Bởi vì giáo dục không phải là một phương tiện của đời sống, mà nó đồng nhất với quá trình diễn ra một đời sống tràn đầy kết quả và mang ý nghĩa cố hữu, cho nên giá trị căn bản cuối cùng và duy nhất của giáo dục mà chúng ta có thể đề ra chính là tiến trình của bản thân đời sống” [2, tr. 284-285].

Thứ hai, nội dung giáo dục phải “động”.

Nội dung giáo dục phải thường trực thay đổi và “không thể quy cho môn học một giá trị giáo dục cố hữu” [3, tr. 81]. Nội dung giáo dục phải không ngừng tăng tiến để mang một hình thức mới mẻ phù hợp với đời sống thực của mỗi cá nhân trong từng giai đoạn nhất định. Trong tác phẩm *Kinh nghiệm và giáo dục*, Dewey viết: “Nhà giáo dục phải thường xuyên coi những gì mà học sinh đã đạt được không phải như là một sự sở hữu bất biến mà như là một phương tiện và công cụ để mở ra những phạm vi mới mẻ với những đòi hỏi mới mẻ để học sinh phải vận dụng khả năng quan sát hiện có và sử dụng trí nhớ theo cung cách thông minh” [3, tr. 127].

Nội dung giáo dục của các môn học trong nhà trường là “đại diện cho kết quả có thể sử dụng được của các kinh nghiệm có cùng đặc tính, tức kinh nghiệm của nội dung của nhà trường và kinh nghiệm [của đời sống xã hội hiện hành] đều có chung thế giới, và có chung năng lực cùng nhu cầu tương tự” [2, tr. 219]. Những nội dung giáo dục không phải bất biến cũng như “không phải là sự hoàn hảo hoặc sự hiểu biết không thể sai lầm” [2, tr. 219], nhưng những nội dung giáo dục phải tốt nhất để có thể sử dụng cho những kinh nghiệm mới mẻ xảy ra trong tương lai. Tuy nhiên, kinh

nghiệm của người trưởng thành và người trẻ tuổi là không giống nhau. Vì vậy, nội dung học tập của học sinh không thể được hệ thống hóa giống như của người trưởng thành. Trong quá trình giáo dục, sự không đồng nhất giữa nội dung của người học và người dạy khiến cho người thầy không nên chỉ quan tâm tới bản thân nội dung, mà phải quan tâm đến mối tương quan giữa nội dung với các nhu cầu, năng lực hiện có của học sinh. Sự tương quan này tương ứng với quá trình phát triển nội dung bên trong cá nhân – tức quá trình phát triển kinh nghiệm của cá nhân thông qua giáo dục. Chính John Dewey đã cảnh báo sự khác biệt về phương thức tư duy, suy nghĩ, tri thức và kinh nghiệm của thầy - trò sẽ tạo ra sự không tương thích giữa nội dung giáo dục với khả năng tiếp nhận, cũng như khả năng vận dụng vào cuộc sống của người học. Trong tác phẩm *Cách ta nghĩ*, John Dewey viết: “Người thầy và học trò đều có xu hướng tạo ra một hồ ngăn giữa một bên là suy nghĩ logic về những cái trừu tượng và cao xa, và bên kia là những đòi hỏi cụ thể, chi tiết của những sự kiện thường nhật. Cái trừu tượng có chiều hướng trở nên quá cách biệt, quá xa xôi để có thể đem áp dụng, vì bị cắt rời khỏi những quy phạm đạo đức và thực hành” [4, tr. 88].

Thứ ba, nội dung giáo dục phải gắn liền với đời sống thực, phù hợp với nhu cầu và năng lực của người học.

Theo John Dewey, giá trị giáo dục không phải là trừu tượng; nó phải phù hợp với nhu cầu của người học. Muốn vậy, nội dung phải bắt nguồn từ những kinh nghiệm của cuộc sống bình thường. Trong tác phẩm *Kinh nghiệm và giáo dục*, John Dewey viết: “Khoa học chứng minh một điều rằng: giáo dục có thể dùng kinh nghiệm của cuộc sống làm cơ sở của sự tổ chức tri thức” [3, tr. 138]. Nội dung giáo dục và học tập phải gắn liền với những điều kiện của kinh nghiệm và phải đánh thức sự tìm kiếm tích cực thông tin và ý tưởng mới mẻ [3, tr. 34]. John Dewey cho rằng, việc dạy những nội dung giáo dục không chuẩn bị cho người học những kinh nghiệm của cuộc sống thực là một công việc vô nghĩa. Vì vậy, người thầy phải liên kết giáo dục với cuộc sống thực, phải nhận ra những tiềm năng để dẫn dắt người học bước vào những lĩnh vực mới mẻ có liên quan với những kinh nghiệm mà chúng đã có, và đồng thời phải vận dụng sự hiểu biết này làm tiêu chí lựa chọn và sắp xếp những điều kiện gây ảnh hưởng tới kinh nghiệm hiện tại của người học [3, tr. 129].

Nội dung giáo dục phải phù hợp với nhu cầu của đời sống cộng đồng, của con người nói chung, phục vụ đời sống cộng đồng hiện hữu. Muốn xây dựng một nền dân chủ, giáo dục phải quan tâm đến những vấn đề sâu sắc nhất của nhân loại bình dân, chứ không phải nền giáo dục cao cấp của số ít người. Phải đảm bảo cho các công dân có đủ khả năng và điều kiện để tham gia vào quá trình xã hội, bình đẳng và cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm. Dewey viết: “Đề duy trì sự tồn tại của nó, khi xã hội dân chủ chỉ định đặt ra một chương trình học tập, nó lệ thuộc theo cách cụ thể riêng vào việc sử dụng các tiêu chí liên quan chung đến con người. Nền dân chủ không thể phát triển nếu như việc lựa chọn nội dung kiến thức truyền đạt cho quần chúng được tiến hành chủ yếu vì các mục đích vị lợi được đặt ra một cách cụ thể, còn các truyền thống của một giai cấp có học vấn chuyên môn thì được dành cho nền giáo dục cấp

cao hơn của số ít” [2, tr. 230].

Chương trình học của nhà trường phải tính đến việc làm cho các môn học phù hợp với yêu cầu của đời sống hiện hữu, với mục đích cải thiện đời sống mà chúng ta đang chia sẻ để có tương lai tốt đẹp hơn hiện tại. Trong tác phẩm *Những nguyên tắc đạo đức trong giáo dục*, John Dewey viết: “Một ‘chương trình học tập’ khô khan, nghĩa là một môi trường hoạt động trường học nghèo nàn, chật hẹp, tự nó không thể thích nghi với sự phát triển một tinh thần xã hội có tính sống còn hoặc với những phương pháp thu hút sự đồng thuận và hợp tác” [5, tr.61]. Việc tuân thủ một cách cứng nhắc chương trình dạy học bắt buộc thường không đem lại hiệu quả trong giáo dục. Tuy nhiên, trong nền giáo dục bảo thủ, đa số giáo viên buộc phải thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục đã được định sẵn, chỉ có số ít giáo viên suy nghĩ để tìm cách điều chỉnh chương trình đáp ứng nhu cầu của học sinh.

Nội dung giáo dục chỉ có ý nghĩa khi nó gắn với cuộc sống thực của mỗi cá nhân. Những tri thức lý luận khô cứng sẽ mãi chỉ mang sắc thái “xám” và thiếu sức sống nếu nó không gắn với thực tiễn sinh động, không gắn với cây đời xanh tươi. Những tri thức tách rời cuộc sống sẽ thiếu sức hút đối với người học, người học sẽ chỉ tiếp nhận nó một cách gượng ép để có thể vượt qua kỳ thi. John Dewey viết: “Quả là may mắn cho những ai có thể tiến bộ, để có thể tiến xa về trí tuệ mà lại thấy rằng không cần phải quên đi hầu hết những gì đã học ở nhà trường. Không thể vứt bỏ những câu hỏi này bằng cách đáp lại rằng các môn học đã không được học một cách thực sự, bởi vì học sinh ít nhất cũng đã học các môn học này đủ để vượt qua các kỳ kiểm tra” [3, tr. 83-84]. Những cải cách tiến bộ đòi hỏi phải có đường lối dạy học rất phức tạp, nó đòi hỏi cùng một lúc phải lưu tâm tới những yêu cầu của nội dung môn học và nhu cầu của học sinh. Kinh nghiệm, động cơ, và hứng thú có sẵn ở học sinh đóng vai trò quyết định đối với việc lĩnh hội. Vì thế, người giáo viên hiệu quả bao giờ cũng đề cao nhu cầu của học sinh chứ không phải sự “phân phát kiến thức” [3, tr. 216].

Thứ tư, nội dung giáo dục phải coi trọng việc rèn luyện tư duy phản tư, sáng tạo và khoa học.

Trong nội dung giáo dục, phải coi trọng việc rèn luyện phát triển tư duy phản tư, sáng tạo, khoa học và có trách nhiệm. Trong tác phẩm *Cách ta nghĩ*, John Dewey viết: “Việc rèn luyện cũng như việc phát triển trí tò mò, óc nêu ý kiến cũng như những thói quen khám phá và thử nghiệm theo hướng làm tăng phạm vi và tính hiệu quả của những năng lực trí óc đó. Mỗi môn học – dù là môn học nào – đều mang tính trí tuệ trong chừng mực mà *đối với bất kỳ một người nào*, nó đều góp phần thúc đẩy sự phát triển này” [4, tr. 80]. Nhà trường phải dạy học sinh: kỹ năng, tri thức, tư duy, nhưng tất cả luôn gắn với hiệu quả của hành động, kể cả việc hiệu bản thân chúng ta và thế giới ta sống. Dạy môn gì cũng phải đánh thức tư duy của người học, thiết lập được liên hệ với tình huống đời thường ngoài nhà trường là tạo ra tình huống tư duy, kích thích học sinh suy tưởng, làm như vậy việc học mới dẫn đến kết quả [6, tr. 243]. Phải phân biệt nội dung kiến thức học ở nhà trường và tồn tại thực tế của nội dung đó. Cần coi trọng nền giáo dục đề cao kiến thức tổng quát, đó là nền giáo dục quan tâm tới phát

triển hứng thú của trí tuệ - trí óc mang tính mục đích và mang tính điều khiển tiến trình phát triển kinh nghiệm.

Để giáo dục thói quen tư duy tốt, theo Dewey, cần làm theo phương pháp sau: 1) Giới thiệu tình huống có thực của kinh nghiệm, đưa ra hoạt động gây hứng thú; 2) Nêu vấn đề trong tình huống, kích thích tư duy; 3) Học sinh có kiến thức quan sát và xử lý tình huống; 4) Học sinh tìm ra giải pháp và triển khai giải pháp; 5) Học sinh có cơ hội để thử các khái niệm, vận dụng làm rõ các khái niệm, tự khám phá ra căn cứ vững chắc của khái niệm [6, tr. 243-245].

Theo Dewey, việc giảng dạy nội dung khoa học và phương pháp đưa khoa học vào trong đời sống xã hội là thực sự cần thiết và có ý nghĩa. Dewey khẳng định: “Ý nghĩa quan trọng của nguyên lý coi người học phải được dẫn dắt đi tới sự hiểu biết nội dung học không dừng lại ở chỗ người học bằng cách ấy có được nhận thức sâu sắc về những vấn đề xã hội hiện hữu. Những phương pháp của khoa học còn chỉ lối cho những biện pháp và chính sách đem lại một trật tự xã hội tốt đẹp hơn” [3, tr. 137]. Do vậy, theo Dewey, việc dạy cho học sinh nội dung khoa học và cho chúng làm quen với những sự kiện và quy luật dựa vào sự hiểu biết về những ứng dụng của khoa học trong đời sống xã hội hằng ngày, là một nguyên lý giáo dục đúng [3, tr. 135].

Thứ năm, nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục phải có sự tương thích với nhau.

Phương pháp giáo dục phải có mối liên hệ với cách thức và trình tự trình bày nội dung giáo dục. Sự phù hợp giữa nội dung và phương pháp giáo dục là yêu cầu của nền giáo dục tiến bộ. Trong tác phẩm *Dân chủ và giáo dục*, John Dewey viết: “Đồ vật có thể được di chuyển trong không gian một cách vật lý; có thể di chuyển chúng như một khối trọn vẹn. Niềm tin và khát vọng thì không thể lấy ra và đưa vào. Vậy thì niềm tin và khát vọng được truyền đạt bằng cách nào? Vì niềm tin và khát vọng không thể lấy truyền trực tiếp hoặc không thể trực tiếp ghi khắc trong đầu, hiểu theo nghĩa đen, cho nên vấn đề của chúng ta là phải khám phá phương pháp mà trẻ em sử dụng để hấp thụ quan điểm của người lớn, hay nói cách khác, phương pháp mà người lớn dùng để dạy cho trẻ em trở thành những người đồng điệu với họ” [2, tr. 27-28]. Sự phong phú của nội dung giáo dục và sự đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học mặc nhiên đòi hỏi phải có sự đa dạng về phương pháp giáo dục: “mọi cá nhân đều có cơ hội sử dụng các năng khiếu của mình vào các hoạt động có ý nghĩa... Việc áp đặt một phương pháp được cho là phổ biến và đồng nhất cho mọi cá nhân sẽ nuôi dưỡng tính tầm thường ở tất cả học sinh và ngoại trừ ngay chính tính độc đáo” [2, tr. 208].

Việc tiếp nhận nội dung giáo dục đến từ chính nhu cầu của cuộc sống cá nhân chứ không phải từ sự tiếp nhận mang tính ép buộc bởi những phương pháp giáo dục mang tính trừng phạt, kỷ luật. John Dewey viết: “Ai cũng biết các phương pháp trừng phạt đã được cầu viện nhiều thế nào tại các nền giáo dục coi thường các khả năng của hiện tại nhân danh sự chuẩn bị cho một tương lai. Thế rồi, trong khi đồng thời căm ghét sự hà khắc và bất lực của phương pháp trừng phạt trên, các nền giáo dục đó lại chuyển sang một thái cực ngược lại hoàn toàn: để có thể lừa phỉnh học sinh tiếp nhận thứ mà chúng không quan tâm, người ta “bọc đường” liều lượng kiến thức được coi là bắt buộc phải học để đổi lấy một

ngày nào đó trong tương lai” [2, tr. 78-79]. Theo Dewey, “hễ khi nào một phương pháp giáo dục thể hiện rõ tính chất cơ giới, thì chúng ta có thể tin chắc rằng phương pháp ấy đã phải dùng đến áp lực từ bên ngoài để gây ảnh hưởng nhằm đạt được một mục đích có tính bề ngoài” [2, tr. 74].

2.3. Những điểm gợi mở từ quan điểm của John Dewey về nội dung giáo dục đối với việc giảng dạy triết học Mác - Lênin ở Việt Nam hiện nay

Quan điểm của John Dewey về nội dung giáo dục đã cung cấp những định hướng mang tính gợi mở cho công cuộc cải cách giáo dục ở nhiều quốc gia. Trong bài viết *“Kinh nghiệm và giáo dục: Những gợi ý dành cho dạy học và nhà trường ngày hôm nay”*, tác giả Linda Darling và Hammond đã viết: “Những trường học được cải tổ ... giống với điều được Dewey gọi tên là một “nền giáo dục tiên bộ” mang những đặc điểm cải cách...: các môn học được dạy bằng đường lối mang tính thực nghiệm nhiều hơn; chương trình học liên bộ môn nhằm tạo ra những mối liên hệ giữa các khái niệm...” [3, tr. 203-204]. Linda Darling và Hammond cho rằng, một nền giáo dục muốn cung cấp kiến thức có ý nghĩa cho người học, thì vấn đề cốt yếu nằm ở việc giáo viên có đủ khả năng thiết lập sự tương tác giữa động năng, sự hiểu kỳ, sự hiểu biết có sẵn của học sinh, với nội dung đang được học – giáo viên phải đủ khả năng đưa nội dung ấy vào trong kinh nghiệm, như Dewey đã đề xuất, chứ không phải thừa nhận rằng kinh nghiệm của học sinh là không phù hợp. Giáo viên đồng thời phải có khả năng tham gia vào tư duy của chương trình dạy và phát triển tính liên tục của kinh nghiệm đóng góp cho nhận thức và cho việc tạo ra thói quen trí tuệ [3, tr. 207-208].

Ở Việt Nam, triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc, được giảng dạy ở tất cả các trường đại học, cao đẳng (sau đây gọi chung là các trường). Tuy nhiên, hầu hết những người giảng dạy và nghiên cứu triết học cũng như các bên hữu quan, nhất là sinh viên, đều nhận ra những điều chưa hợp lý trong việc giảng dạy triết học Mác - Lênin trong các trường đại học hiện nay. Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong lĩnh vực truyền bá kiến thức triết học thì cũng phải thẳng thắn thừa nhận rằng, đa số các sinh viên, nhất là sinh viên không chuyên triết học, không thích học, hay nặng hơn là chán học các môn khoa học Mác - Lênin nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng, đều cảm thấy môn học khô khan, trừu tượng, quá nặng về những lý thuyết hàn lâm,... Theo quan niệm của rất nhiều người từ xa xưa đến nay, tinh hoa của thời đại đều tập trung ở triết học, đúng như K. Marx đã nói “các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất, họ là sản phẩm của thời đại của mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học” [9, tr. 156]. Tuy nhiên, qua rất nhiều lần hiệu chỉnh, thay đổi tên gọi môn học hoặc áp dụng nhiều hình thức đổi mới phương pháp giảng dạy, tiếp cận nhưng đến nay nhiều sinh viên học triết học Mác - Lênin một cách gượng ép, cốt để đủ điểm không phải học lại chứ ít ai coi đó là môn học hữu ích giúp cho việc rèn luyện và phát triển tư duy, trang bị phương pháp nhận thức và hoạt động thực tiễn. Tình trạng sinh viên chán học triết học Mác - Lênin đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: năng lực hạn chế của một số người thầy; phương pháp giảng dạy, nội dung và chương trình giáo dục cứng nhắc, ít có những đổi

mới, hoặc còn nhiều bất cập so với sự phát triển của giáo dục và thời đại, hoặc sinh viên lười tiếp cận những học phần chung có tính lý thuyết. Nhưng, ở đây, chúng tôi chỉ bàn đến nguyên nhân xuất phát từ nội dung giảng dạy triết học Mác - Lênin ở các trường đại học Việt Nam hiện nay và đưa ra một số gợi ý từ việc nghiên cứu quan điểm của John Dewey về nội dung giáo dục.

Ở Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin được xem là nền tảng tư tưởng của Đảng. Vì vậy, việc giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin chủ yếu được nhìn nhận như một nội dung quan trọng trong việc giáo dục ý thức hệ, nghĩa là triết học “bị chính trị hóa”. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho triết học Mác - Lênin thiếu đi sức cuốn hút đối với sinh viên. Trong các tác phẩm bàn về giáo dục, John Dewey luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục khoa học. Vì vậy, triết học Mác - Lênin cần được khẳng định không chỉ từ phương diện trang bị thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất về các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy nghĩa là khẳng định được giá trị khoa học của nó, đồng thời giúp chủ thể tiếp cận (người học) nhận thức một cách toàn diện hơn về việc vì sao Việt Nam lấy hệ thống lý luận này làm nền tảng tư tưởng. Theo Giáo sư Phạm Xuân Yêm (Đại học Paris 6), triết học và khoa học có cả sự tương đồng lẫn khác biệt và cả hai đều cần thiết để làm người, “vậy mà nền giáo dục Việt Nam lại đặt nội dung giáo dục ý thức hệ Mác - Lênin làm trọng tâm. Trễ vào mẫu giáo đã nghe những bài hát chính trị. Người soạn sách giáo khoa nhiều khi cố tình lồng chính trị vào, coi đó là một thành tích. Việc giảng dạy môn triết học Mác - Lênin tại các trường ở Việt Nam từ mấy chục năm nay là một hạn chế khiên cưỡng, sinh viên phải học tập duy nhất có một học thuyết mà không được tiếp cận trên cùng một bình diện cả một vườn hoa tư tưởng muôn sắc của nhân loại” [12, tr. 515].

Triết học là cả một kho tàng kiến thức vô cùng phong phú và quý báu mà nhân loại đã tích lũy được, trải qua bao nhiêu thế hệ tìm kiếm, phân tích và đãi học thành những sản phẩm tinh hoa của trí tuệ con người, không phân biệt sắc tộc, màu da hay khuynh hướng chính trị, tôn giáo. Vì vậy, việc giảng dạy triết học không nên tập trung, đóng khung chật hẹp vào một triết thuyết độc tôn duy nhất nào, mà trái lại cần phải giới thiệu cho sinh viên tìm hiểu được nhiều trường phái triết học, các lý thuyết cổ xưa cũng như hiện đại của các nhà tư tưởng kiệt xuất của nhân loại từ Đông sang Tây, Bắc xuống Nam [12, tr. 513-514]

Triết học do Mác khởi xướng từ những năm 40 của thế kỷ XIX và sau đó được bổ sung và phát triển bởi Lenin đã và đang có những đóng góp đáng kể cho nhân loại. Triết học Mác - Lênin đã cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học giúp cho con người nhận thức và cải tạo thế giới tốt hơn. Triết học Mác ra đời không thể thiếu những tiền đề tư tưởng khoa học, đặc biệt là những thành tựu vĩ đại trong khoa học tự nhiên và khoa học lịch sử. Trong tác phẩm *Chống Duyrinh, Biện chứng của tự nhiên*, để bảo vệ và luận chứng cho lý luận của triết học duy vật biện chứng, F. Engels đã viện dẫn đến những tri thức trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, V.I. Lênin đã khái quát những thành tựu của vật lý học hiện đại để bảo vệ và phát

triển một cách sáng tạo lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng trước sự xuyên tạc của chủ nghĩa Makhơ, làm cho tác phẩm trở thành một mẫu mực cho sự bảo vệ và phát triển triết học Mác. Ngay nay, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn cách mạng công nghiệp 4.0. Tri thức của nhân loại trong các ngành khoa học đã có sự phát triển vượt bậc, với những phát hiện phát hiện mới của sinh học, của vật lý học trong nghiên cứu về thế giới vi mô như “trường sinh học”, “phân hạt”, “hố đen vũ trụ”, ... Điều này đặt ra nhu cầu cần phải bổ sung và phát triển triết học Mác trên cơ sở tổng kết thực tiễn và những thành tựu khoa học mới. Chính Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Mỗi lần có một phát minh mang ý nghĩa thời đại ngay cả trong lĩnh vực khoa học lịch sử - tự nhiên thì chủ nghĩa duy vật không tránh khỏi thay đổi hình thức của nó” [10, tr. 409].

Việc bổ sung và phát triển triết học Mác là hoàn toàn phù hợp với bản chất khoa học và cách mạng của nó. V.I. Lênin khẳng định: “Lịch sử triết học và lịch sử khoa học xã hội chỉ ra một cách hoàn toàn rõ ràng chủ nghĩa Mác không có gì giống “chủ nghĩa tông phái” hiểu theo nghĩa là một học thuyết đóng kín và cứng nhắc, nảy sinh ở ngoài con đường phát triển vĩ đại của văn minh thế giới” [8, tr. 49]. Với khẳng định trên, cho ta thấy triết học Mác - Lênin không phải là một hệ thống khép kín, mà trái lại, từ trong “linh hồn” của nó luôn yêu cầu không ngừng được bổ sung và phát triển. Vì vậy, nội dung triết học Mác - Lênin được giảng dạy phải “động”, phải gắn liền với đời sống xã hội hiện đại, phù hợp với nhu cầu và năng lực của sinh viên.

Trong tác phẩm *Kinh nghiệm và giáo dục*, John Dewey viết: “mọi lý luận cùng toàn bộ những thực hành đều mang tính giáo điều khi nó không dựa trên sự xem xét có tính phê bình những nguyên lý nền tảng của chính nó” [3, tr. 41]. Tuy nhiên, rất tiếc, đa số giảng viên các trường đại học ở Việt Nam lại đang giảng dạy triết học Mác - Lênin như một chân lý tuyệt đối, một học thuyết duy nhất đúng, không đánh giá đúng tầm quan trọng của tư duy phê phán sáng tạo. Điều này không chỉ trái với triết lý giáo dục hiện đại của John Dewey, mà nó còn đi ngược lại tinh thần khoa học và cách mạng vốn có của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong tác phẩm *Cương lĩnh của chúng ta*, V.I. Lênin đã nhấn mạnh rằng, “chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống” [7, tr. 232]. Vì vậy, với một trí tuệ vượt bậc, khi tiếp nhận chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh đã nhận ra những hạn chế của nó và Người đã chỉ ra rằng, “dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Marx ở thời mình không thể có được” [11, tr. 509], rằng cần “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, cùng cố nó bằng dân tộc học phương Đông” [11, tr. 510].

Triết học sẽ không có nhiều ý nghĩa nếu chỉ dừng lại ở việc giải thích thế giới. Triết học cần giải quyết những vấn đề của thực tiễn và tham gia vào quá trình cải tạo thế giới. Trong bài nói chuyện với chủ đề “Tương lai của triết học” (The Future of Philosophy) tại Khoa Triết, Đại học

Columbia, New York, ngày 13/11/1947, John Dewey đã chỉ ra rằng, quan niệm tối tệ nhất là quan niệm cho rằng triết học là để giải thích “tồn tại” là gì, như ta thấy ở quan niệm của người Hy Lạp cổ đại, hoặc quan niệm coi triết học là để giải thích “thực tại” là gì, như ta thấy ở triết học hiện đại. Theo Dewey, triết học phải giải quyết những vấn đề của nền văn minh, văn minh hiểu theo nghĩa khái quát được các nhà nhân học đưa ra rất dễ hiểu – tức triết học phải giải quyết những mô thức nằm trong các mối quan hệ con người [13].

3. Kết luận

Quan điểm của John Dewey về nội dung giáo dục thể hiện rõ ý tưởng về một nền giáo dục tiến bộ, được định hình trên nền tảng triết học thực dụng đề cao vai trò của kinh nghiệm, của cuộc sống thực. Ông luôn chống lại những quan điểm mang tính giáo điều và cứng nhắc về nội dung giáo dục trong nền giáo dục truyền thống. Ở John Dewey, “giáo dục chính là bản thân cuộc sống” nên nội dung giáo dục không phải là bất biến mà là một khái niệm “động”, thường xuyên thay đổi cùng với sự thay đổi của đời sống xã hội. Nội dung giáo dục phải đảm bảo tính đa dạng và hữu dụng, phù hợp với nhu cầu và năng lực của mỗi cá nhân người học. Nội dung giáo dục là một thành tố quan trọng cấu thành hoạt động giáo dục. Vì vậy, việc xác định đúng nội dung giáo dục có ý nghĩa quan trọng góp phần đem đến hiệu quả và sự thành công của toàn bộ hoạt động giáo dục. Quan điểm của John Dewey về nội dung giáo dục cho đến nay vẫn còn có giá trị gợi mở cho công cuộc đổi mới căn

bản và toàn diện giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Đổi mới nội dung giáo dục là một trong những phương diện quan trọng để chấn hưng nền giáo dục nước nhà. Việc đổi mới nội dung giáo dục đại học, nhất là giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, phải theo tinh thần đề cao tính khoa học, dân chủ, gắn lý luận với thực tiễn, phát huy tính sáng tạo, tự chủ của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Reginald D. Chambault, *John Dewey về giáo dục*, Nhà xuất bản Trẻ, 2012.
- [2] John Dewey, *Dân chủ và giáo dục*, Nhà xuất bản Tri thức, 2008.
- [3] John Dewey, *Kinh nghiệm và giáo dục*, Nhà xuất bản Trẻ, 2012.
- [4] John Dewey, *Cách ta nghĩ*, Nhà xuất bản Tri thức, 2013.
- [5] John Dewey, *Những nguyên tắc đạo đức trong giáo dục*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2018.
- [6] Phạm Minh Hạc, *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2013.
- [7] V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 4, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcova, 1978.
- [8] V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 23, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcova, 1980.
- [9] C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 1, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995.
- [10] C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 21, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995.
- [11] Hồ Chí Minh, *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ*, *Toàn tập*, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2011.
- [12] Phạm Xuân Yêm, “Mạn đàm về đại học Việt Nam”, *Kỷ yếu Đại học Humboldt 200 năm (1810-2010): Kinh nghiệm Việt Nam và thế giới*, Nhà xuất bản Tri thức, 2011, tr. 513-520.
- [13] http://triethoc.edu.vn/vi/chuyen-de-triet-hoc/nhap-mon-triet-hoc/tuong-lai-cua-triet-hoc_77.html.

(BBT nhận bài: 08/7/2019, hoàn tất thủ tục phản biện: 19/4/2020)